



KỶ THI LÝ THUYẾT THẨM MỸ QUỐC GIA

BẢN TIN DÀNH CHO THÍ SINH (CIB)

*Vui lòng truy cập trang web của đơn vị tổ chức kỳ thi dành
cho bạn để xem bản tin mới nhất trước khi dự thi.*

Kỳ Thi Lý Thuyết Thẩm Mỹ Quốc Gia là kỳ thi cấp giấy phép hành nghề Thẩm Mỹ do Hội Đồng Thẩm Mỹ Liên Tiểu Bang (NIC) tổ chức. Bản tin này chứa THÔNG TIN QUAN TRỌNG về kỳ thi, bao gồm phạm vi nội dung của bài thi lý thuyết, câu hỏi mẫu và câu trả lời, tài liệu tham khảo. Thời gian cho phép của Bài Thi Lý Thuyết Thẩm Mỹ là 90 phút.

VUI LÒNG XEM KỸ LẠI TẤT CẢ THÔNG TIN

Đối với mỗi Kỳ Thi Lý Thuyết Quốc Gia của NIC, tất cả Bản Tin Dành Cho Thí Sinh (CIB) đều có HAI (2) phần được lưu thành các tài liệu riêng:

- **Nội Dung Bài Thi** và **Hướng Dẫn Quan Trọng** – Phần này cung cấp thông tin về phạm vi nội dung của bài thi Lý Thuyết, thông tin và hướng dẫn liên quan đến việc quản lý bài thi Lý Thuyết.
- **Tài Liệu Tham Khảo** – Phần này cung cấp danh sách tài liệu tham khảo dùng để phát triển và hỗ trợ nội dung trong bài thi. Các tài liệu tham khảo dành cho bài thi Lý Thuyết và Thực Hành là giống nhau.

HÃY ĐẢM BẢO TẢI XUỐNG VÀ/HOẶC IN ĐỒNG THỜI XEM LẠI CẢ HAI TÀI LIỆU HÌNH THÀNH NÊN CIB CHO KỶ THI CỦA NIC.

VUI LÒNG XEM KỸ LẠI TẤT CẢ THÔNG TIN!

HƯỚNG DẪN QUAN TRỌNG

- Thí sinh không được ra khỏi khu vực thi nếu không được cho phép. Để ra khỏi khu vực thi vì bất kỳ lý do gì, kể cả đi vệ sinh hay khi hoàn thành xong bài thi, thí sinh đều phải xin phép. Thí sinh phải có ID dán ảnh mới được vào lại phòng thi.
- Trừ các hướng dẫn bằng lời nói, giám thị và nhân viên quản lý kỳ thi không được phép giao tiếp với thí sinh.
- Vui lòng thông báo cho giám thị nếu bạn gặp phải tình huống khẩn cấp.
- Sau đây là ví dụ về các vật dụng và hành động bị cấm trong quá trình quản lý thi:
 - Mang theo điện thoại di động, đồng hồ (bất kỳ loại nào), máy nhắn tin, máy tính bảng, máy tính, máy chiếu, máy ảnh hoặc bất kỳ thiết bị điện tử hay ghi âm nào khác, các tài liệu in ấn hoặc ghi chú viết tay.
 - Trao đổi với thí sinh khác.
 - Có hành vi gây rối.
 - *Những vật dụng hoặc hành động nói trên không phải là danh sách đầy đủ. Việc không tuân thủ bất kỳ điều kiện nào trong số này hoặc có BẤT KỶ hành vi nào cho thấy bạn tìm cách gian lận sẽ dẫn đến việc bị đình chỉ thi ngay lập tức và hành động của bạn sẽ được báo cáo cho các cơ quan chức năng thích hợp.*

PHẠM VI NỘI DUNG BÀI THI LÝ THUYẾT THẨM MỸ

Sau đây là phác thảo phạm vi nội dung của Bài Thi Lý Thuyết Thẩm Mỹ Quốc Gia của NIC. Tỷ lệ phần trăm đại diện cho tỷ lệ phần trăm của các mục có ở mỗi phần. Bài thi bao gồm 110 mục, trong đó 100 mục có trọng số và đóng góp vào điểm số cuối cùng của thí sinh.

Phần I: KHÁI NIỆM KHOA HỌC (55%)

- A. Kiến thức cơ bản về vi sinh vật học (tức là vi khuẩn, vi rút, ký sinh trùng, nấm)
- B. Áp dụng kiến thức về quy trình kiểm soát lây nhiễm liên quan đến:
 1. Mức độ kiểm soát lây nhiễm (tức là vệ sinh, khử trùng, tiệt khuẩn)
 2. Phương pháp kiểm soát lây nhiễm (tức là nhiệt, hóa chất)
- C. Áp dụng kiến thức về quy trình và hướng dẫn an toàn liên quan đến:
 1. Phòng Ngừa Tiêu Chuẩn (Chung)
 2. Quy trình tiếp xúc với máu
 3. Bảng Dữ Liệu An Toàn (SDS) (tức là nhãn của nhà sản xuất)
 4. Xử lý hóa chất
- D. Thể hiện sự hiểu biết cơ bản về sinh lý học và giải phẫu ở người liên quan đến:
 1. Tế bào và chức năng của tế bào
 2. Các loại mô (tức là biểu mô, mô liên kết, mô thần kinh, mô cơ)
 3. Cơ quan và chức năng của cơ quan (ví dụ: da, phổi, tim)
 4. Hệ thống và chức năng của hệ thống (ví dụ: hệ cơ, hệ da, hệ thần kinh, hệ nội tiết, hệ xương)
- E. Thể hiện sự hiểu biết về mô học và sinh lý của da liên quan đến:
 1. Cấu trúc và chức năng của các lớp da
 2. Cấu trúc và chức năng của các tuyến
 3. Chức năng của da (ví dụ: bảo vệ, điều hòa thân nhiệt, hấp thụ)
- F. Nhận biết và hiểu các rối loạn và bệnh về da liên quan đến:
 1. Rối loạn tuyến bã nhờn (ví dụ: mụn trứng cá, mụn thịt, tăng tiết bã nhờn)
 2. Rối loạn tuyến mồ hôi (ví dụ: tăng tiết mồ hôi, chứng mồ hôi nặng mùi, giảm tiết mồ hôi)
 3. Các bệnh truyền nhiễm (ví dụ: viêm màng kết do vi khuẩn, mụn rộp, bệnh nấm ngoài da)
 4. Viêm da (ví dụ: chứng viêm da, chàm, chứng đỏ mặt)
 5. Sự hình thành sắc tố da (tức là tăng sắc tố da, giảm sắc tố da)
 6. U ở da (ví dụ: mụn thịt dư, nốt ruồi, u sùng)
 7. Ung thư da (tức là ung thư biểu mô tế bào đáy, ung thư biểu mô tế bào vảy, ung thư tế bào hắc tố)
 8. Tổn thương da nguyên phát và thứ phát
- G. Hiểu biết về chức năng và thành phần của tóc liên quan đến:
 1. Cấu trúc tóc và nang tóc
 2. Chu kỳ tăng trưởng
 3. Mọc lông bất thường (ví dụ: chứng rậm lông, bệnh người sói)
- H. Hiểu biết về hóa học cơ bản liên quan đến:
 1. Thành phần
 2. Dán nhãn
 3. Chức năng (ví dụ: dưỡng ẩm, bảo vệ, làm sạch)
 4. Tính axit/Tính kiềm (tức độ pH)

Phần II: CHĂM SÓC DA VÀ DỊCH VỤ (45%)

- A. Thể hiện sự hiểu biết về việc thực hiện tư vấn và phân loại khách hàng (ví dụ: tiền sử sức khỏe, hình thức tiếp nhận, biểu đồ tư vấn, phát hành của bác sĩ)
- B. Áp dụng kiến thức về bảo vệ khách hàng (tức là quấn khăn lên đầu và phủ khăn lên cơ thể)
- C. Phân tích da (ví dụ: loại/điều kiện/đặc điểm da theo thang Fitzpatrick)
- D. Chống chỉ định đối với các dịch vụ da
- E. Phác đồ điều trị
- F. Thể hiện sự hiểu biết về các quy trình làm sạch
- G. Thể hiện sự hiểu biết về các quy trình xông hơi
- H. Thể hiện sự hiểu biết về các quy trình tẩy da chết (tức là tẩy da chết bằng hóa học, cơ học/thủ công)
- I. Thể hiện sự hiểu biết cơ bản về các động tác mát xa
- J. Thể hiện sự hiểu biết về các phương pháp chiết xuất
- K. Thể hiện sự hiểu biết về chức năng và ứng dụng của mặt nạ liên quan đến:
 1. Dạng đất sét/bùn
 2. Dạng gel
 3. Dạng cao su
 4. Dạng kem
 5. Mặt nạ giấy (ví dụ: collagen, gạc thấm, cắt sẵn)
 6. Mặt nạ nhiệt (ví dụ: parafin, khoáng chất)
- L. Thể hiện sự hiểu biết về bước kết thúc của dịch vụ chăm sóc da mặt:
 1. Dưỡng ẩm
 2. Chống nắng
 3. Chăm sóc tại nhà (ví dụ: chăm sóc sau xử lý)
- M. Thể hiện sự hiểu biết cơ bản về việc sử dụng thiết bị điện dùng trong các dịch vụ chăm sóc da
- N. Thể hiện sự hiểu biết về trang điểm có liên quan đến:
 1. Các nguyên tắc (ví dụ: lý thuyết về màu sắc)
 2. Lựa chọn sản phẩm (ví dụ: son môi, kem nền)
 3. Ứng dụng (ví dụ: tạo khối, bắt sáng, tán)
 4. An toàn (ví dụ: giữ lâu trôi)
 5. Kiểm soát lây nhiễm (ví dụ: dụng cụ dùng một lần, khử trùng dụng cụ)
- O. Thể hiện sự hiểu biết cơ bản về các dịch vụ khác liên quan đến:
 1. Dịch vụ chăm sóc da mặt (ví dụ: liệu pháp hương thơm, trước và sau phẫu thuật/điều trị y tế, siêu âm)
 2. Trị liệu toàn thân (đắp mặt nạ cơ thể, tẩy tế bào chết cơ thể, nhuộm da mà không cần tắm nắng)
 3. Dịch vụ lông mi và lông mày (ví dụ: xăm lông mi và lông mày, lông mi giả, nâng mi/uốn mi)
 4. Thể hiện sự hiểu biết về các phương pháp và quy trình tẩy lông (tức là tẩy lông, nhổ lông)
 5. Chương trình chăm sóc sức khỏe

CÂU HỎI MẪU VỀ THẨM MỸ

Các câu hỏi mẫu sau đây tương tự như các câu hỏi trong Bài Thi Lý Thuyết Thẩm Mỹ Quốc Gia của NIC. Mỗi câu hỏi đi kèm với bốn tùy chọn trả lời. Chỉ có một lựa chọn là đúng. Câu trả lời đúng (đáp án) được liệt kê sau các câu hỏi mẫu.

1. Thuật ngữ cho nghiên cứu khoa học về da là gì?
 - a. Cơ học
 - b. Mạch học
 - c. Sinh lý học
 - d. Da liễu

2. Sản phẩm có chứa chất sát trùng đạt đến mức độ khử nhiễm nào?
 - a. Khử trùng
 - b. Tiệt khuẩn
 - c. Ion hóa
 - d. Vệ sinh

3. Lớp nào sau đây còn được gọi là lớp cơ bản?
 - a. Lớp hạt
 - b. Lớp tế bào sáng
 - c. Lớp mầm
 - d. Lớp sừng

4. Ở giai đoạn mọc lông trong quá trình phát triển, lông sẽ
 - a. bắt đầu tự hủy.
 - b. phát triển mạnh mẽ.
 - c. bắt đầu rụng.
 - d. ngắt khỏi nhú lông.

5. Một khách hàng mới lên lịch một loạt các phương pháp điều trị tẩy da chết bằng hóa học. Khi nào cần xem xét và ký tên vào mẫu tư vấn?
 - a. Hàng tháng
 - b. Hàng năm
 - c. Ở lần điều trị đầu tiên
 - d. Ở mỗi lần điều trị

6. Các mao mạch bị giãn có thể nhìn thấy phía dưới bề mặt da được gọi là
 - a. tăng tiết bã nhờn.
 - b. u sùng.
 - c. chứng giãn mao mạch.
 - d. khử nước.

7. Khi tế bào biểu bì tạo hắc tố hoạt động nhiều hơn sẽ làm
 - a. da sáng hơn.
 - b. da tối hơn.
 - c. da nhờn.
 - d. da khô.

8. Một chức năng khác của máy xông hơi mặt ngoài việc làm mềm bã nhờn là
- oxy hóa da.
 - tạo độ ẩm cho da.
 - giảm tuần hoàn.
 - giải độc da.

Đáp án

1. d	3. c	5. d	7. b
2. d	4. b	6. c	8. a